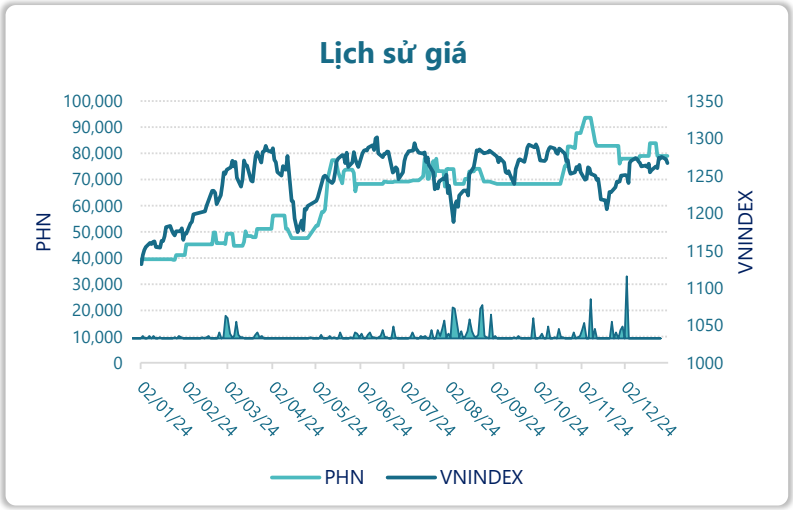
FireAnt

CTCP Pin Hà Nội (HNX: PHN)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**79,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	93,630
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	39,317
SL cổ phiếu LH	7,253,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35
% sở hữu nước ngoài	49.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	573
P/E	9.8
EPS	8,046

DT thuần

Q4/24

106

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.0| -13.8%

YoY: ▲ 11.9| 12.7%

LN sau thuế

Q4/24

9.11

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.19| -40.5%

YoY: ▼3.29| -26.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

16.4%

+/- YoY: ▲ 1.3%

DT thuần

2024

448

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 24.0| 5.7%

LN sau thuế

2024

58.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.40| 14.4%

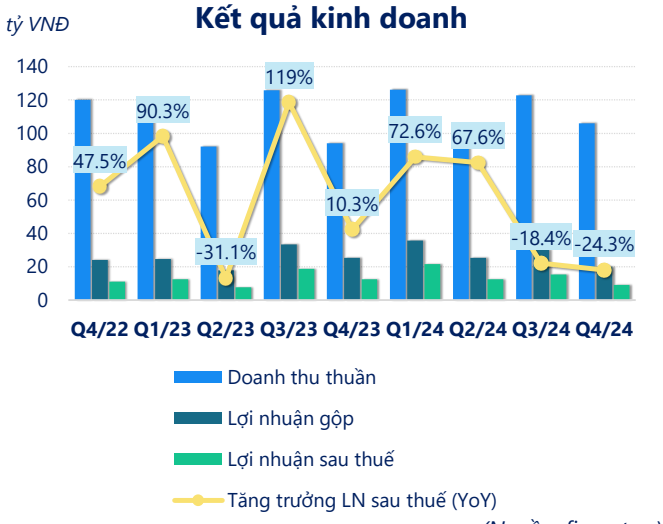
ROE

2024

38.9%

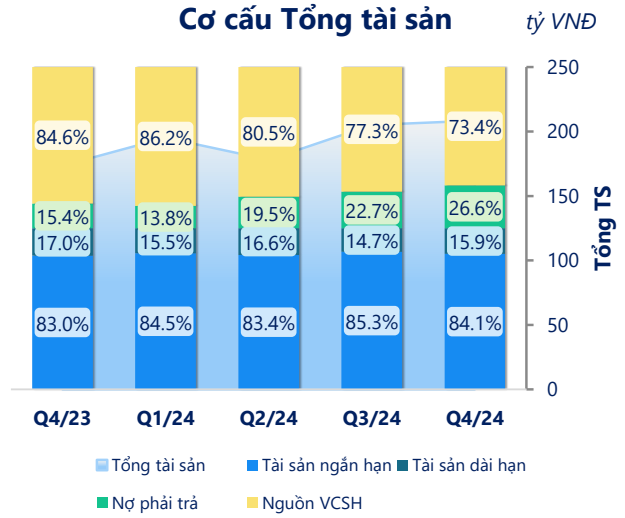
+/- YoY: ▲ 1.4%

Kết quả kinh doanh



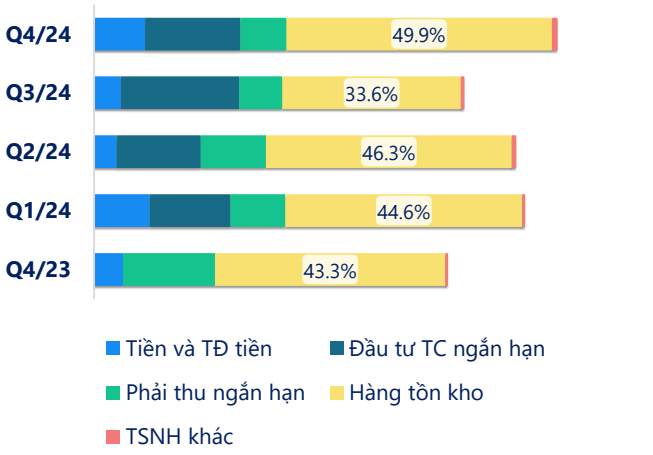
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



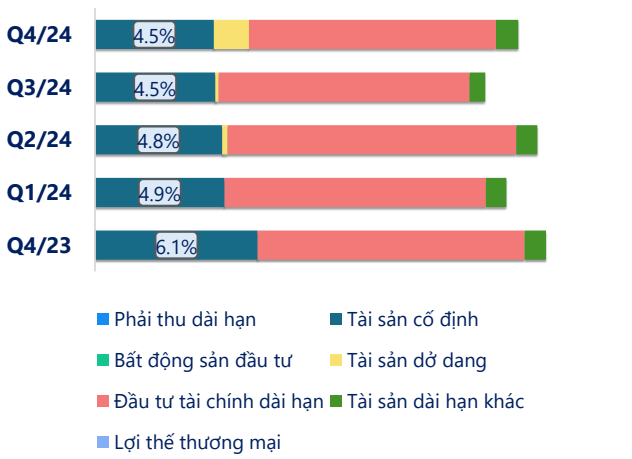
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



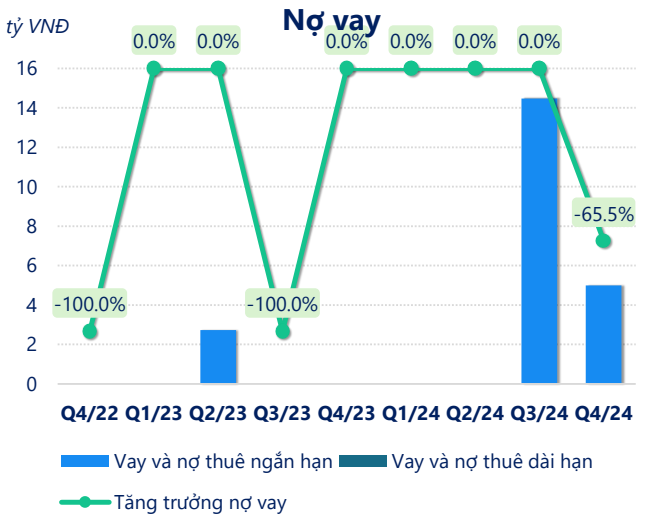
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



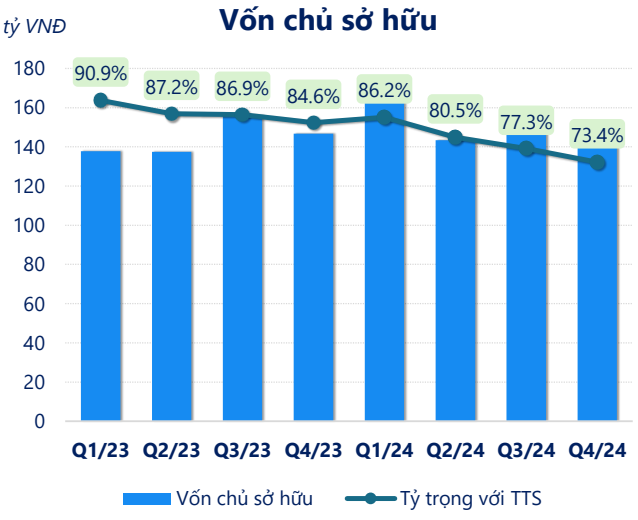
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



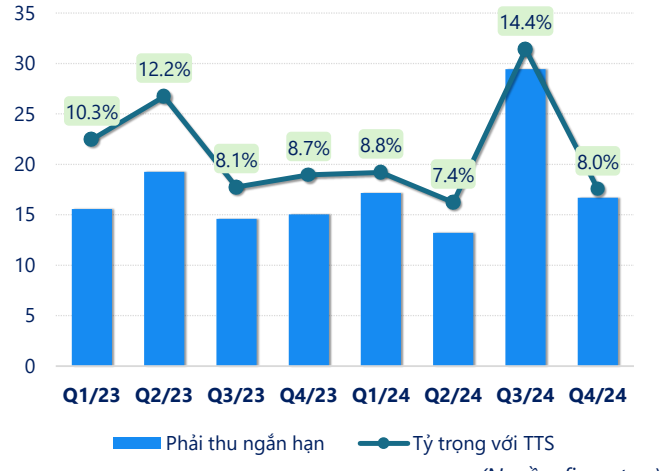
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



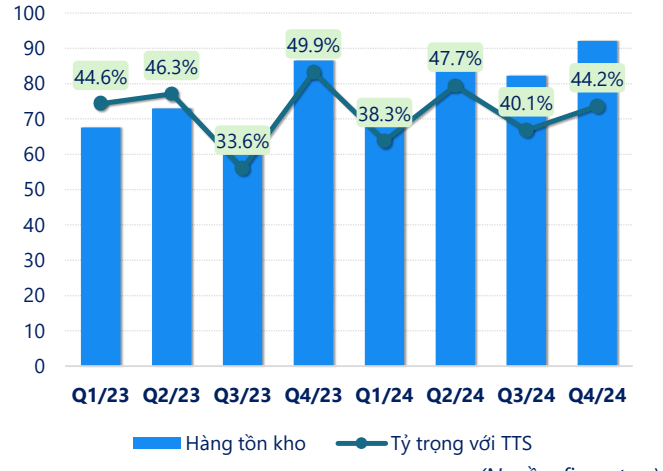
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



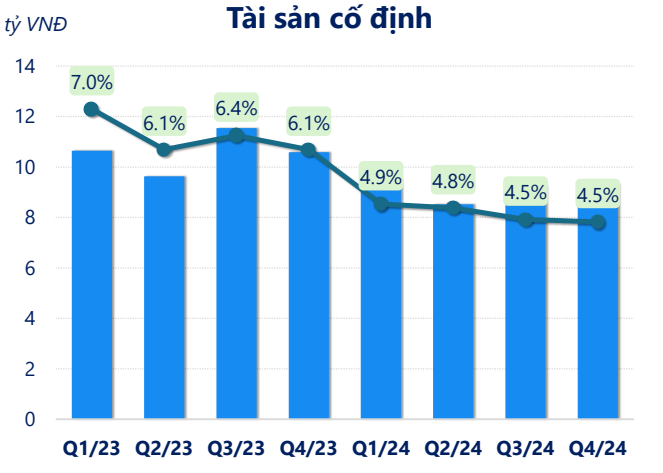
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



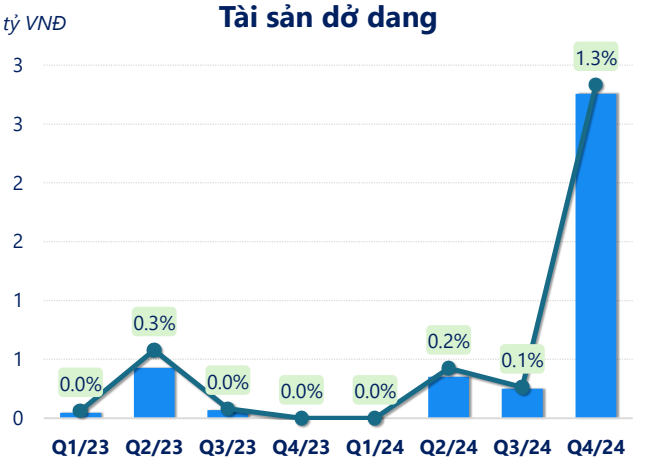
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



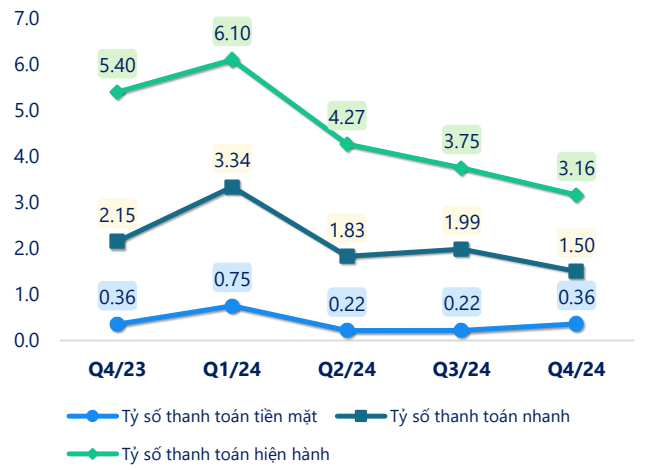
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



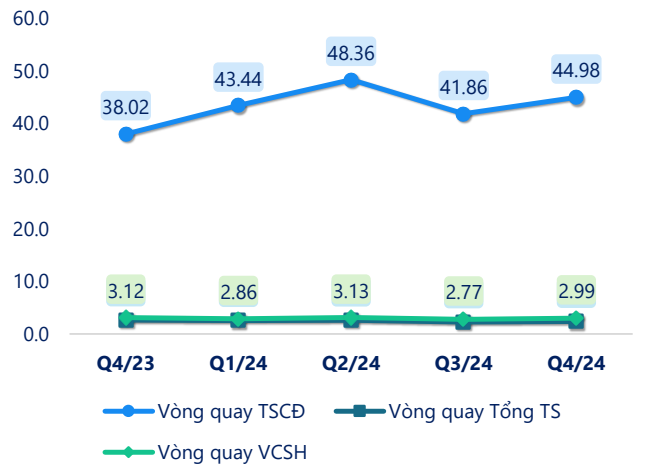
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**173**	**195**	**178**	**205**	**208**
Tài sản ngắn hạn	**144**	**165**	**149**	**175**	**175**
Tiền và tương đương tiền	9.48	20.4	7.54	10.3	20.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.0	52.0	42.0	52.0	44.0
Phải thu ngắn hạn	15.0	17.2	13.2	29.4	16.7
Hàng tồn kho	86.6	74.7	84.9	82.2	92.1
Tài sản ngắn hạn khác	1.89	0.76	0.80	1.00	2.40
Tài sản dài hạn	**29.4**	**30.2**	**29.6**	**30.1**	**33.2**
Phải thu dài hạn	0.02	0	0	0	0
Tài sản cố định	10.6	9.52	8.53	9.28	9.32
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.35	0.25	2.76
Đầu tư tài chính dài hạn	17.4	19.2	19.4	19.4	19.4
Tài sản dài hạn khác	1.40	1.51	1.40	1.22	1.75
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**26.7**	**27.0**	**34.8**	**46.6**	**55.4**
Nợ ngắn hạn	**26.7**	**27.0**	**34.8**	**46.6**	**55.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	14.5	4.99
Phải trả người bán ngắn hạn	8.45	12.0	14.4	9.81	13.5
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**147**	**168**	**143**	**158**	**153**
Vốn chủ sở hữu	**147**	**168**	**143**	**158**	**153**
Vốn điều lệ	72.5	72.5	72.5	72.5	72.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)